BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 354 /QĐ-BNN-KHCN	*Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt Chiến lược nghiên cứu, phát triển của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTG ngày 25/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt kế hoạch quan trắc, cảnh báo, và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2012-2025;

Căn cứ Quyết định 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 467/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III tại công văn số 329/TS3-KHTC ngày 21/10/2022 về việc xin phê duyệt chiến lược nghiên cứu, phát triển Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến 2045;

Theo đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Khoa học Công nghệ và Môi trường, Tổ chức cán bộ, Tài chính, Kế hoạch; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Cục trưởng các Cục: Chế biến và Phát triển thị trường nông sản; Quản lý xây dựng công trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược nghiên cứu, phát triển của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III là một trong những tổ chức nghiên cứu khoa học về nuôi biển đạt trình độ tiên tiến, ngang tầm với các nước trong khu vực. Với mục tiêu là định hướng nâng cao hiệu quả khoa học công nghệ tập trung giải quyết những vấn đề trọng tâm nhằm thúc đẩy nuôi trồng thủy sản bền vững, tạo ra sản phẩm khoa học có giá trị cao, tiếp thu làm chủ các công nghệ tiên tiến của khu vực và thế giới, chuyển giao ứng dụng và nhân rộng vào thực tiễn sản xuất; góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của cộng đồng ven biển trong khu vực, bảo vệ môi trường sinh thái, phục vụ tái cơ cấu ngành và thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về tổ chức bộ máy

- Kiện toàn tổ chức, tinh gọn từng bước xây dựng Viện trở thành một Viện nghiên cứu nuôi biển ngang tầm với các Viện nghiên cứu của một số nước tiên tiến trong khu vực.

- Đến năm 2030: Tổ chức, sắp xếp, kiện toàn lại một số đơn vị nghiệp vụ và chuyên môn theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Xây dựng đề án, chuyển đổi 1-2 phòng nghiên cứu chủ lực thành Trung tâm nghiên cứu.

- Đến năm 2045: Xây dựng đề án, chuyển đổi mô hình tổ chức các đơn vị phòng nghiên cứu còn lại thành Trung tâm nghiên cứu.

b) Về đội ngũ cán bộ

- Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức đủ về số lượng và chất lượng, hợp lý về cơ cấu, độ tuổi, trong đó có các cán bộ khoa học đầu ngành, có năng lực quản lý và chuyên môn tốt và chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ.

- Số lượng cán bộ có trình độ sau đại học trên tổng số cán bộ khoa học từ 57% tại thời điểm hiện nay lên 60% vào năm 2030 và trên 65% vào năm 2045.

- Đến năm 2030, mỗi lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành có ít nhất 2-3 tiến sỹ, chuyên gia đầu ngành và đến năm 2045 có ít nhất 4-5 tiến sỹ, chuyên gia đầu ngành có uy tín, trình độ chuyên môn ngang tầm các nước tiến tiến trong khu vực và quốc tế.

c) Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trên cơ sở định hướng của Chính phủ tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, củng cố, đầu tư và phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật của đơn vị, đáp ứng yêu cầu hoạt động khoa học công nghệ theo định hướng phát triển của Viện về lĩnh vực và vùng, cụ thể:

- Đến năm 2025: Ưu tiên đầu tư xây dựng trung hạn (i) Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thủy sản khu vực miền Trung; (ii) Nâng cấp Trung tâm Quốc gia giống nước ngọt miền Trung tại huyện Đức Trọng – Lâm Đồng thuộc Chương trình Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống thuỷ sản; (iii) Xây dựng đề án bổ sung trang thiết bị thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, sản xuất đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu.

- Đến năm 2030: (i) Đầu tư trang thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu, đáp ứng các chỉ tiêu phân tích đạt chuẩn VILAS; (ii) Nâng cấp cơ sở hạ tầng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nuôi biển Nha Trang; (iii) Xây mới một số trung tâm, cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, sản xuất trực thuộc Viện như nâng cấp Trung tâm Nghiên cứu cá nước lạnh - Thuộc Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung.

- Đến năm 2045: (i) Xây mới một số trung tâm, cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, sản xuất trực thuộc Viện như Trung tâm Quốc gia giống hải sản miền Trung; (ii) Xây dựng đề án thành lập Trung tâm công nghệ sinh học thuộc Viện.

d) Về cơ chế tự chủ nguồn kinh phí

Tích cực, chủ động trong cơ chế tự chủ, chủ động nguồn kinh phí hoạt động của Viện và các đơn vị:

- Đến năm 2030: Viện tự chủ 50% kinh phí hoạt động chi thường xuyên; Nhà nước vẫn chi đầu tư.

- Đến năm 2045: Viện tự chủ 60% kinh phí hoạt động chi thường xuyên; Nhà nước vẫn chi đầu tư.

e) Về sản phẩm khoa học và công nghệ

Trong giai đoạn 2016-2021, Viện đã chủ trì và phối hợp với các đơn vị thực hiện tổng cộng 108 nhiệm vụ KHCN, nhiều quy trình công nghệ đang được ứng dụng, chuyển giao vào thực tiễn sản xuất ở 32 tỉnh thành trên cả nước. Trong giai đoạn sắp tới, yêu cầu về các sản phẩm khoa học và công nghệ như sau:

+ Phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho hoạt động quản lý, điều hành của Bộ, ngành;

+ Các sản phẩm khoa học công nghệ phục vụ, đáp ứng yêu cầu của thực

tiễn sản xuất.

+ Đến năm 2030: Ít nhất 50% quy trình công nghệ tạo ra được công nhận tiến bộ kỹ thuật và áp dụng vào sản xuất; trong đó 10% sản phẩm khoa học và công nghệ được đăng ký độc quyền sở hữu trí tuệ.

+ Đến năm 2045: Có ít nhất 70% quy trình công nghệ được công nhận tiến bộ kỹ thuật và áp dụng vào sản xuất; trong đó 15% sản phẩm khoa học và công nghệ được đăng ký độc quyền sở hữu trí tuệ.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Kiện toàn tổ chức bộ máy

- Đến năm 2030: Ổn định và tinh gọn tổ chức, để hoạt động hiệu quả hơn. Chuyển đổi một số phòng nghiên cứu chủ lực thành Trung tâm nghiên cứu để đẩy mạnh tự chủ cho các đơn vị.

- Đến năm 2045: Xây dựng đề án, chuyển đổi mô hình tổ chức các đơn vị phòng nghiên cứu còn lại thành Trung tâm nghiên cứu để các đơn vị chuyên môn có thể tự chủ hơn trong nghiên cứu khoa học.

2. Phát triển nguồn nhân lực

Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III có định hướng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đảm bảo trang bị đầy đủ kiến thức phù hợp với từng vị trí việc làm, cụ thể như sau:

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN, đặc biệt là nguồn nhân lực trình độ cao của Viện theo hướng đồng bộ, cân đối về cơ cấu từng chuyên ngành và phù hợp với sự phát triển của các đơn vị trực thuộc Viện.

+ Xây dựng và triển khai chương trình hỗ trợ cán bộ khoa học trẻ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế của Viện hoặc các chương trình đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật tại nước ngoài của Nhà nước.

+ Ưu tiên đầu tư để hình thành một số nhóm nghiên cứu mạnh ở một số lĩnh vực trọng điểm như nghiên cứu về cá nước lạnh, cá biển, giáp xác, thân mềm, bệnh và môi trường, vắc xin thủy sản, di truyền và chọn giống các đối tượng thủy sản có giá trị.

+ Củng cố, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, hành chính, dịch vụ, phục vụ... đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của Viện trong từng giai đoạn phát triển.

Viện sẽ định hướng phát triển nguồn nhân lực cụ thể cho từng giai đoạn như sau:

- Đến năm 2030: Số lượng cán bộ nghiên cứu chiếm trên 80% tổng số lao động, viên chức của Viện. Số lượng cán bộ có trình độ sau đại học trên tổng số cán bộ khoa học trên 60%.

- Đến năm 2045: Số lượng cán bộ nghiên cứu chiếm trên 85% tổng số lao động, viên chức của Viện. Số lượng cán bộ có trình độ sau đại học trên tổng số

cán bộ khoa học trên 65%.

3. Phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ

a) Đầu tư cơ sở hạ tầng

- Đến năm 2025:

+ Đề xuất và triển khai Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung tại trụ sở Viện - Số 2, Đặng Tất, Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa. Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 4456/QĐ-BNN-TCTS ngày 28/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Đề xuất và triển khai Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung - đơn vị trực thuộc Viện tại huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đến năm 2030:

+ Đề xuất và triển khai Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nuôi biển Nha Trang.

+ Đề xuất xây mới một số trung tâm, cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, sản xuất trực thuộc Viện như xây dựng Trung tâm Nghiên cứu cá nước lạnh - Thuộc Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung.

- Đến năm 2045: Hoàn thiện và tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất giai đoạn trước, nâng cấp cơ sở hạ tầng phát triển nuôi biển tại 02 Trung tâm trực thuộc Viện là Trung tâm Quốc gia giống hải sản miền Trung và Trung tâm công nghệ sinh học.

(Phụ lục danh mục các nhiệm vụ trọng tâm).

b) Về công tác sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ

Duy trì triển khai công tác sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ, duy tu, cải tạo cơ sở vật chất hiện có cho các đơn vị trực thuộc từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với kinh phí sửa chữa hàng năm.

c) Về công tác đầu tư tăng cường trang thiết bị

- Đến năm 2025: Song song với chủ trương xây mới Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thuỷ sản miền Trung là việc đầu tư trung hạn để nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, sản xuất, đề xuất kinh phí trung hạn giai đoạn 3 năm. Các thiết bị phòng thí nghiệm được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu, khoảng > 50% các chỉ tiêu phân tích đạt chuẩn VILAS.

- Đến năm 2030: Xây dựng đề án bổ sung trang thiết bị thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, sản xuất đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu.

- Đến năm 2045: Có được cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng thí nghiệm tiên tiến, ngang tầm khu vực và quốc tế. Tiếp tục đầu tư nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu, đáp ứng các chỉ tiêu phân tích đạt chuẩn VILAS. Xây mới một số trung tâm, cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, sản xuất trực thuộc Viện.

4. Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ

a) Công nghệ sản xuất giống và chọn giống thủy sản

- Chọn tạo bố mẹ, con giống có khả năng sinh trưởng nhanh, kháng bệnh và chống chịu tốt với điều kiện môi trường bất lợi, đáp ứng điều kiện nuôi công nghiệp của các đối tượng chủ lực như tôm chân trắng và các đối tượng có giá trị kinh tế như tôm hùm, tôm mũ ni, ốc hương, cá chẽm, cá giò, cá chim, cá tầm; hải sâm, bào ngư; trai tai tượng, trai ngọc nữ,.v.v...

- Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống các đối tượng quý hiếm đã và đang lưu giữ ở Viện cá mú đỏ, cá mó đầu khu, cá mõm trâu, cá bè vẫu, cá mú tổ ong;

. b) Nghiên cứu và phát triển công nghệ nuôi tiên tiến

- Ứng dụng công nghệ số, nuôi thâm canh, siêu thâm canh, hệ thống lọc tuần hoàn, các đối tượng thuỷ sản chủ lực như tôm hùm, ốc hương, cá chình, cá tầm để nâng cao hiệu quả sử dụng mặt nước, giảm ô nhiễm môi trường để nâng cao hiệu quả sử dụng mặt nước, giảm ô nhiễm môi trường, giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh trong nuôi thủy sản, đảm bảo sản phẩm an toàn thực phẩm.

- Nghiên cứu công nghệ nuôi biển xa bờ sử dụng vật liệu lồng HDPE (High density polyethylene) chất lượng cao đối với các loài thuỷ sản có giá trị như các loài tôm hùm, cá biển như cá mú, cá chim, cá bè (bè vẫu, bè vàng).

- Xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi để phát triển kinh tế tuần hoàn với đối với các loài thuỷ sản có giá trị hải sâm, ốc hương, một số loài cá biển.

c) Nghiên cứu phòng và trị bệnh thủy sản

- Xây dựng quy trình phòng trị bệnh hiệu quả và đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Chế tạo bộ kít chẩn đoán nhanh các bệnh nguy hiểm trên các đối tượng nghiên cứu.

- Nghiên cứu chế tạo các chế phẩm vi sinh xử lý môi trường nuôi, ức chế tác nhân gây bệnh.

- Nghiên cứu chế tạo các sản phẩm có hoạt tính sinh học chiết xuất từ rong biển, vi tảo, thảo dược ứng dụng trong nuôi trồng thuỷ sản.

- Duy trì và ứng dụng công nghệ số để tự động hóa mạng lưới quan trắc cảnh báo môi trường, giám sát dịch bệnh các vùng nuôi tập trung phục vụ cho ngành nuôi và quản lý thuỷ sản ở khu vực duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên.

d) Nghiên cứu công nghệ sản xuất thức ăn cho các đối tượng thủy sản

- Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ enzym, protein và vi sinh để sản xuất các loại thức ăn cho một số đối tượng nuôi trồng thuỷ sản chủ lực.

- Nghiên cứu công nghệ sản xuất thức ăn bằng nguồn nguyên liệu có sẵn tại địa phương để vừa mang lại hiệu quả sử dụng, giảm chi phí sản xuất, tăng giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Nghiên cứu theo hướng chế tạo và phát triển bổ sung các hoạt chất sinh học và dưỡng chất thiết yếu, chất dẫn dụ, cải thiện tăng trưởng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

e) Công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch

- Nghiên cứu công nghệ chế biến thủy sản trên cơ sở phát huy lợi thế các nguồn nguyên liệu sẵn có như tôm nước lợ, tôm hùm, cá biển, ốc hương, hải sâm.

- Nghiên cứu các hoạt chất sinh học trong bảo quản sản phẩm sau thu hoạch không độc hại đối với người.

f) Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản nội địa

- Phối kết hợp với các Viện nghiên cứu chuyên ngành trong nước trong nghiên cứu, đánh giá nguồn lợi thủy sản nội địa khu vực duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Đánh giá tác động môi trường và sức tải để phát triển nuôi trồng thuỷ sản ở vùng ven bờ và vùng biển mở.

- Xây dựng các mô hình chuyển đổi nghề khai thác quá mức, hủy diệt sang các nghề khai thác ít gây nguy hại đến nguồn lợi, nuôi trồng thủy sản và các nghề khác.

5. Hợp tác sản xuất và chuyển giao công nghệ

a) Hợp tác nghiên cứu và sản xuất

- Hợp tác với các doanh nghiệp để sản xuất tôm chân trắng bố mẹ, cá chẽm bố mẹ, ốc hương đã chọn giống theo tính trạng tăng trưởng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với doanh nghiệp thuỷ sản tham gia nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất thông qua các mô hình sản xuất thử nghiệm.

- Hợp tác với các địa phương ở khu vực duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên để chuyển giao các công nghệ của Viện thông qua các cơ quan quản lý và hỗ trợ kỹ thuật chuyên ngành như Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông.

b) Nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật

- Thông qua các tổ chức khoa học công nghệ tại các Bộ, ngành và tỉnh, thành phố để kết nối và chuyển giao công nghệ cho các đối tượng doanh nghiệp có khả năng ứng dụng và triển khai áp dụng công nghệ trong tất cả các lĩnh vực.

- Chuyển giao công nghệ cho Trung tâm giống các tỉnh hay doanh nghiệp có nhu cầu về công nghệ sản xuất giống các đối tượng hải đặc sản.

- Thực hiện các chương trình nông thôn miền núi, khuyến nông hay hợp tác để chuyển giao các quy trình, các công nghệ mới như công nghệ nuôi tôm thẻ chân trắng, cá chẽm, cá tầm, cá chình, cua xanh, hải sâm ...

- Mở rộng việc đào tạo chuyển giao công nghệ là sản phẩm khoa học của Viện, tập trung vào đào tạo nghề và đào tạo ngắn hạn cho các địa phương.

6. Hợp tác quốc tế và đào tạo

- Tích cực chủ động tiếp cận và hợp tác với các tổ chức quốc tế, các Trường đại học nước ngoài; tạo điều kiện trao đổi kinh nghiệm và nhân lực, cùng nhau xây dựng các chương trình hợp tác nghiên cứu về các lĩnh vực nghiên

cứu là thế mạnh của Viện. Hàng năm tiến hành mở mới 1-2 nhiệm vụ hợp tác quốc tế về các lĩnh vực nghiên cứu trọng điểm của Viện.

- Hàng năm cử đi đào tạo tiến sỹ các lĩnh vực nghiên cứu trọng điểm của Viện từ 1-2 người, đào tạo thạc sỹ từ 2-3 người.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức

- Hàng năm, rà soát và điều chỉnh các quy chế để công tác quản lý điều hành đơn vị đạt hiệu quả.

- Rà soát và điều chỉnh đề án vị trí việc làm để thực hiện có hiệu quả và phát huy hết các vị trí công việc theo hướng tinh gọn và chất lượng.

- Xây dựng các Tổ chuyên gia về nghiên cứu di truyền chọn giống, nuôi thủy sản công nghệ cao, môi trường và bệnh thuỷ sản để hỗ trợ các đơn vị trong công tác chuyên môn và chuyển giao công nghệ.

2. Nâng cao chất lượng về nguồn nhân lực

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên môn hoá và tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể về đào tạo cho từng lĩnh vực chuyên môn và từng đơn vị như tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trong một số lĩnh vực ưu tiên như công nghệ sinh học thủy sản, công nghệ gen, nuôi trồng thuỷ sản công nghệ cao, bệnh và môi trường.

- Mở rộng hợp tác với các Viện, Trường trong nước và quốc tế để cán bộ nghiên cứu của Viện có cơ hội làm việc, học tập nâng cao trình độ.

- Khuyến khích, bồi dưỡng và đãi ngộ phù hợp để thu hút cán bộ khoa học giỏi từ bên ngoài. Tăng thu nhập, ổn định đời sống và tạo môi trường làm việc tất cả có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ và gắn kết với Viện.

3. Xây dựng cơ chế tự chủ, quản lý điều hành

- Xây dựng cơ chế tự chủ của Viện và các đơn vị trực thuộc Viện theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP.

- Đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường phân cấp, phân quyền cho các đơn vị trực thuộc về khoa học công nghệ, tài chính, dịch vụ khoa học công nghệ; điều hành linh hoạt, hiệu quả, đúng quy định.

4. Tăng cường cơ sở vật chất

- Xây dựng kế hoạch sửa chữa nâng cấp cơ vật chất hàng năm và giai đoạn cho các đơn vị thuộc Viện từ nguồn vốn của đơn vị và giám sát việc triển khai thực hiện. Với việc thực hiện sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất hàng năm giúp cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất đã xuống cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu và phát triển ương nuôi trên biển, phục vụ tốt mục tiêu phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững.

- Triển khai công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa nhỏ cho các đơn vị trực thuộc từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ do Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn.

5. Tăng cường nghiên cứu khoa học công nghệ

- Hoàn thiện Quy chế quản lý khoa học của phù hợp với tình hình thực tế của Viện và ngành.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học và công nghệ theo định hướng chiến lược. Phát triển các nhóm nghiên cứu chuyên sâu theo lĩnh vực chuyên môn trọng tâm, là thế mạnh của Viện.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, nâng cao hàm lượng, chất lượng khoa học, công nghệ các sản phẩm khoa học công nghệ thực hiện của các đề tài/dự án.

- Xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) dựa trên kế hoạch nghiên cứu phù hợp ở các đơn vị trực thuộc Viện bao gồm nhân lực, cơ sở vật chất, kế hoạch phát triển sản phẩm khoa học công nghệ.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp trang thông tin điện tử của Viện thành cổng thông tin điện tử phục vụ các dịch vụ khoa học công nghệ, đào tạo và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm thông tin hoạt động, quảng bá thương hiệu, sản phẩm khoa học công nghệ của Viện..

- Tăng cường phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để ứng dụng, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất.

- Tăng cường các hoạt động giới thiệu sản phẩm khoa học công nghệ của Viện bằng nhiều hình thức (hội chợ, hội thảo, hội nghị, báo, đài, truyền hình). Đa dạng hoá hình thức quảng bá (website, truyền hình, mạng xã hội).

- Khuyến khích cán bộ nghiên cứu xuất bản trên các tạp chí chuyên nhành uy tín trong và ngoài nước.

6. Nâng cao thu nhập cho viên chức và người lao động

- Tinh gọn đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động theo đề án vị trí việc làm. Tạo môi trường làm việc công bằng, cạnh tranh bình đẳng, có sự khích lệ tốt để phấn đấu, phát triển.

- Xây dựng và sử dụng hiệu quả các quỹ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để tăng thu nhập cho người lao động.

- Khoán chỉ tiêu, công việc trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; khích lệ tinh thần năng động, sáng tạo trong công việc; nâng cao năng suất làm việc.

- Liên doanh, liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, các địa phương ứng dụng các tiến bộ khoa học của Viện vào sản xuất nhằm tăng nguồn thu cho Viện, tăng thu nhập cho viên chức và người lao động.

7. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

- Tiếp tục duy trì, phát triển hợp tác với các đơn vị thuộc Bộ, ngành, địa phương; tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, các Trường đại học trong

nước, các doanh nghiệp, cá nhân.

- Xây dựng chương trình hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước trong việc liên kết, phối hợp chặt chẽ với các Viện, Trường trong nghiên cứu khoa học, hợp tác nhằm tận dụng được các thành quả nghiên cứu.

- Tích cực chủ động tiếp cận, hợp tác, phát triển với các tổ chức quốc tế, các Trường đại học nước ngoài; tạo điều kiện cho các chuyên gia nước ngoài vào làm việc tại Viện và cán bộ của Viện thực tập tại các phòng thí nghiệm nước ngoài.

8. Chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn

- Viện thực hiện chuyển đổi số trong quản lý khoa học công nghệ. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số tất cả các nhiệm vụ khoa học công nghệ, văn bản hướng dẫn nhằm mục đích quản lý khoa học công nghệ được thống nhất, dễ dàng và đúng quy định.

- Áp dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình nghiên cứu, sản xuất, quản lý nghề nuôi biển, giám sát môi trường, bảo đảm tính chính xác và tính thời sự.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án áp dụng kinh tế tuần hoàn trong phát triển các mô hình liên kết theo chuỗi từ đánh giá nguồn lợi, khai thác, bảo quản đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; ưu tiên đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và đào tạo nguồn nhân lực.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

- Nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; tích luỹ từ các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và chuyển giao công nghệ nuôi trồng thuỷ sản.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện Chiến lược.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng và trình Viện trưởng phê duyệt Chiến lược phát triển của đơn vị giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

c) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ về kết quả thực hiện Chiến lược của Viện và của các đơn vị trực thuộc.

d) Đề xuất, kiến nghị, trình Bộ trưởng quyết định những vấn đề phát sinh, thay đổi để bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn và những quy định mới.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách

nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III thực hiện tốt Chiến lược.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Tổng cục Thuỷ sản;
- Các Cục: CBPTTTNS, QLDXCT;
- Các Vụ: TCCB, KH, TC, HTQT, PC;
- Lưu: VT, KHCN (BTA, 25b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Phùng Đức Tiến

Phụ lục:

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
CHIẾN LƯỢC NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN III
ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
I	**Hoàn thiện tổ chức bộ máy**			
	Xây dựng đề án tổ chức, sắp xếp, kiện toàn lại một số đơn vị nghiệp vụ và chuyên môn theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Chuyển đổi một số phòng nghiên cứu chủ lực thành Trung tâm nghiên cứu.	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2030
II	**Các dự án đầu tư**			
1	Xây dựng Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2025
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2025

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
3	Nâng cấp cơ sở hạ tầng phát triển nuôi biển tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nuôi biển	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2026-2030
4	Xây dựng Trung tâm Nghiên cứu cá nước lạnh	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2026-2030
5	Nâng cấp cơ sở hạ tầng phát triển nuôi biển tại Trung tâm Quốc gia giống hải sản miền Trung	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2031-2045
6	Xây dựng Trung tâm công nghệ sinh học	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2031-2045
7	Tăng cường trang thiết bị cho các đơn vị trực thuộc Viện theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 3 năm	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2045
8	Một số dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, tăng cường năng lực nghiên cứu, khoa học, công nghệ của Viện và các đơn vị thành viên.	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2030
III	**Xây dựng các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng tâm**			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
3.1	*Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống và chọn giống thủy sản* - Chọn tạo bố mẹ, con giống có khả năng sinh trưởng nhanh, kháng bệnh và chống chịu tốt với điều kiện môi trường bất lợi, đáp ứng điều kiện nuôi công nghiệp của các đối tượng chủ lực. - Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống các đối tượng quý hiếm đã và đang lưu giữ ở Viện.	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thuỷ sản III	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2045
3.2	*Nghiên cứu và phát triển công nghệ nuôi tiên tiến* - Ứng dụng công nghệ công nghệ số, nuôi thâm canh, siêu thâm canh, hệ thống lọc tuần hoàn, các đối tượng thuỷ sản chủ lực để nâng cao hiệu quả sử dụng mặt nước, giảm ô nhiễm môi trường, giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh trong nuôi thủy sản, đảm bảo sản phẩm an toàn thực phẩm. - Nghiên cứu công nghệ nuôi xa bờ sử dung vật liệu lồng chất lượng cao HDPE (high density polyethylene) đối với các loài thuỷ sản có giá			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
	trị. - Xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi để phát triển kinh tế tuần hoàn với đối với các loài thuỷ sản có giá trị.			
3.3	*Nghiên cứu phòng và trị bệnh thủy sản* - Xây dựng quy trình phòng trị bệnh hiệu quả và đảm bảo an toàn thực phẩm. - Chế tạo bộ kít chẩn đoán nhanh các bệnh nguy hiểm trên các đối tượng nghiên cứu. - Nghiên cứu chế tạo các chế phẩm vi sinh xử lý môi trường nuôi, ức chế tác nhân gây bệnh. - Nghiên cứu chế tạo các sản phẩm có hoạt tính sinh học chiết xuất từ rong biển, vi tảo, thảo dược ứng dụng trong nuôi trồng thuỷ sản. - Duy trì và ứng dụng công nghệ số để tự động hóa mạng lưới quan trắc cảnh báo môi trường, giám sát dịch bệnh các vùng nuôi tập trung phục vụ cho nhành nuôi và quản lý thuỷ sản ở khu vực duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên			
3.4	*Nghiên cứu công nghệ sản xuất thức ăn cho*			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
	các đối tượng thủy sản - Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ enzym, protein và vi sinh để sản xuất các loại thức ăn cho một số đối tượng nuôi trồng thuỷ sản chủ lực. - Nghiên cứu công nghệ sản xuất thức ăn bằng nguồn nguyên liệu có sẵn tại địa phương để vừa mang lại hiệu quả sử dụng, giảm chi phí sản xuất, tăng giá trị gia tăng của sản phẩm. - Nghiên cứu theo hướng chế tạo và phát triển bổ sung các hoạt chất sinh học và dưỡng chất thiết yếu, chất dẫn dụ, cải thiện tăng trưởng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.			
3.5	*Công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch* - Nghiên cứu công nghệ chế biến thủy sản trên cơ sở phát huy lợi thế các nguồn nguyên liệu sẵn có như tôm nước lợ, tôm hùm, cá biển, ốc hương, hải sâm. - Nghiên cứu chế biến tạo sản phẩm tôm hùm trên cơ sở tận dụng nguồn nguyên liệu tôm hùm dạt (tôm không đạt tiêu chuẩn chất lượng loại I,			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
	II). - Nghiên cứu các hoạt chất sinh học trong bảo quản sản phẩm sau thu hoạch không độc hại đối với người.			
3.6	*Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản nội địa* - Phối kết hợp với các Viện Nghiên cứu chuyên ngành trong nước trong nghiên cứu, đánh giá nguồn lợi thủy sản nội địa khu vực duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên. - Đánh giá tác động môi trường và sức tải để phát triển nuôi trồng thuỷ sản ở vùng ven bờ và vùng biển mở. - Xây dựng các mô hình chuyển đổi nghề khai thác quá mức, hủy diệt sang các nghề khai thác ít gây nguy hại đến nguồn lợi, nuôi trồng thủy sản và các nghề khác.			
3.7	*Nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật* - Thông qua các tổ chức khoa học công nghệ tại các Bộ, ngành và tỉnh, thành phố để kết nối và chuyển giao công nghệ cho các đối tượng doanh nghiệp có khả năng ứng dụng và triển			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
	khai áp dụng công nghệ trong tất cả các lĩnh vực. - Chuyển giao công nghệ cho Trung tâm giống các tỉnh hay doanh nghiệp có nhu cầu về công nghệ sản xuất giống các đối tượng hải đặc sản của Viện. - Thực hiện các chương trình nông thôn miền núi, Khuyến nông hay hợp tác để chuyển giao các quy trình, các công nghệ mới như công nghệ nuôi tôm thẻ chân trắng, cá chẽm, cá tầm, cá chình, cua xanh, hải sâm. - Mở rộng việc đào tạo chuyển giao công nghệ là sản phẩm khoa học của Viện, tập trung vào đào tạo nghề và đào tạo ngắn hạn cho các địa phương			
3.8	*Hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ* - Mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài và tổ chức quốc tế, bao gồm cả các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam. Nâng cao năng lực tư vấn và đầu tư quốc tế.			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
	- Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu và đào tạo thông qua thực hiện các dự án quốc tế phối hợp và cùng chia sẻ kinh phí.			